

VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH

TS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG

Trong quá trình đổi mới nền kinh tế ở VN, kinh tế ngoài quốc doanh ngày càng phát triển nhanh, đóng góp ngày càng lớn vào GDP. Sự phát triển của kinh tế ngoài quốc doanh, cơ chế chung, bên cạnh việc tự huy động vốn bản thân, thì vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho khu vực kinh tế này đóng vai trò rất quan trọng, nó chẳng những thúc đẩy sự phát triển kinh tế ngoài quốc doanh, mà chính thông qua đó tác động trở lại, thúc đẩy với hệ thống ngân hàng đổi mới chính sách tiền tệ; hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tín dụng, thanh toán, ngoại hối. Điều này thể hiện rõ nhất ở tỷ trọng cho vay giữa DNNN và kinh tế ngoài quốc doanh trong tổng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng đã và đang thay đổi nhanh chóng. Song trong thực tế, nhiều công trình điều tra, nghiên cứu, khoa học, bài viết dựa trên dự luận...cho rằng kinh tế ngoài quốc doanh luôn thiếu vốn, rất khó vay được vốn ngân hàng...Vậy thực chất của nó như thế nào? Chúng ta cùng phân tích và đưa ra dự đoán về xu hướng này.

1. Diễn biến tỷ trọng cho vay doanh nghiệp nhà nước và kinh tế ngoài quốc doanh trong cả nước giai đoạn 1990 - 2000 và dự báo giai đoạn 2001 - 2010.

Trong cả nước, về xu hướng diễn biến tỷ trọng cho vay giữa DNNN và khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trong 10 năm qua (1990 - 2000) thì giai đoạn 1990 - 1995), tỷ trọng cho vay DNNN giảm nhanh, còn tỷ trọng cho vay kinh tế ngoài quốc doanh của hệ thống ngân hàng tăng nhanh do các nguyên nhân sau:

- Trong 10 năm qua VN tiến hành 3 đợt sắp xếp lại DNNN: 1991 - 1994; 1995 - 1997 và 1998 - 2000; số lượng DNNN đã giảm hơn 50%, từ 12.300 DNNN xuống còn 5.789 DNNN hiện nay; do giải thể; phá sản, sáp nhập, cổ phần hóa, bán lại cho tư nhân. Nhiều

DNNN vẫn tồn tại, nhưng hoạt động kém hiệu quả, chưa giải thể được, đang nợ đọng một khối lượng lớn vốn vay NH: nhà máy dệt Nam Định, nhà máy phân đạm Hà Bắc, Công ty gang thép Thái Nguyên v.v...nhưng NH không thể tiếp tục cho vay. Nhiều tổng công ty nhà nước đang hoạt động nợ NH số vốn quá quy định NH không thể tiếp tục cho vay.

- Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển nhanh, bao gồm:

+ Đến hết năm 2000 VN đã cổ phần hóa được khoảng 500 DNNN, các DN cổ phần hóa này đang được các NH cho vay vốn.

+ Trên 13 triệu hộ gia đình ở nông thôn trở thành hộ sản xuất kinh doanh, được ngân hàng cho vay vốn. Tính đến hết tháng 12.2000, còn khoảng 6,5 triệu hộ dư nợ số vốn vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN, với số tiền là 30.000 tỷ đồng, tăng gấp 38 lần năm 1990, chiếm 73,8% tổng dư nợ cho vay của ngân hàng này, các ngân hàng đẩy mạnh cho vay kinh tế ngoài quốc doanh. Ngân hàng Công thương VN có 228.873 doanh nghiệp vừa và nhỏ của kinh tế ngoài quốc doanh quan hệ tín dụng thường xuyên với dư nợ tăng từ 5.896 tỷ đồng, chiếm 50,9% tổng dư nợ, năm 1997 tăng lên 8.642 tỷ, chiếm 51,6% tổng dư nợ hiện nay.

+ Các ngân hàng triển khai nhiều dự án của nước ngoài tài trợ kinh tế ngoài quốc doanh của VN; cụ thể như:

(1) Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN tiếp nhận và triển khai 46 dự án với số vốn 1,2 tỷ USD đã giải ngân 382 triệu USD, của ADB, WB, AFD, KFW, EFAD... trong đó có nhiều dự án lớn: Dự án VN2561, do WB tài trợ 49 triệu năm 1995, quay vòng cho vay hộ nông dân; ADB: 49 triệu USD và 80 triệu USD; WB: 70 triệu USD.

(2) Ngân hàng Công thương VN làm đại lý triển khai các dự án: của EC,

tài trợ vốn cho người VN hồi hương từ Hồng Kông: 22.013.000 USD. Ngân hàng cân đối cho người lao động VN từ Đức trở về: 166 tỷ đồng. Quỹ phát triển DN vừa và nhỏ của Đài Loan cho vay DN vừa nhỏ 20.298.071 USD. Nhiều dự án khác của Tiệp, Pháp, Anh.

- Các ngân hàng thương mại cũng là một loại hình doanh nghiệp đặc biệt trong hoạt động kinh doanh cũng phải mở rộng cho vay, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nên phải bám sát khách hàng để cho vay. Nhưng cơ cấu khách hàng thay đổi, DNNN giảm nhiều, nên các ngân hàng phải mở rộng cho vay kinh tế ngoài quốc doanh.

Bên cạnh đó là thị trường bất động sản ở VN hình thành và phát triển, đất đai, nhà cửa được mua bán, cho thuê phụ thu một số lượng lớn vốn vay ngân hàng, nhất là ở Hà Nội, TP.HCM, các thành phố lớn khác.

- Buôn bán dịch vụ, thương mại phát triển mạnh mẽ trong cả nước, nên họ phải vay vốn ngân hàng.

- Về các cơ chế chính sách về tín dụng, cho vay:

+ Chính phủ, Ngân hàng nhà nước khuyến khích các ngân hàng cho kinh tế ngoài quốc doanh vay. Quy định của NHNN về lãi suất cho vay kinh tế ngoài quốc doanh cao hơn cho vay DNNN khuyến khích các ngân hàng đẩy mạnh cho vay thu được lợi nhuận nhiều hơn. Gần đây là thực hiện cơ chế lãi suất cơ bản (8.2000) đã xóa bỏ được sự phân biệt lãi suất cho vay giữa các thành phần kinh tế. Đồng thời thể lệ cho vay mới nhất (10.2000) các qui chế tín dụng đã bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.

+ Số lượng các NHTM ngoài quốc doanh ra đời và phát triển nhanh; do đó 4 NHTM quốc doanh của nhà nước, từ chỗ độc quyền, chiếm 70 - 74% thị phần cho vay năm 1990, thì đến hết năm 1999 chỉ chiếm 68%, ước tính đến hết năm 2000, chỉ còn chiếm khoảng 68% thị phần cho vay của toàn ngành ngân hàng.

+ Chính phủ quy định hộ sản xuất kinh doanh ở nông thôn được vay đến 5 triệu đồng không phải thế chấp, từ tháng 3.1999 mức này nâng lên 10 triệu đồng và từ tháng 9.2000, vay đến 20 triệu đồng, các hộ nuôi trồng giống thủy sản vay dưới 50 triệu đồng không phải thế chấp tài sản.

+ Chính phủ giảm thuế cho hoạt động ngân hàng ở nông thôn.

- Tình trạng tiêu cực của ngân hàng và cơ quan chính quyền các cấp.

+ Cho vay kinh tế ngoài quốc doanh là một hướng mở rộng thị phần, vươn lên trong cạnh tranh đối với các NHTM, nên cán bộ các cấp ngân hàng đã năng động hơn, nên họ đẩy mạnh cho vay, lĩnh hoạt tiêu chuẩn đánh giá tín dụng đối với DNTN, công ty cổ phần...

+ Cơ quan chính quyền các cấp cũng quan tâm, định hướng hoạt động cho vay của ngân hàng đối với kinh tế ngoài quốc doanh về sự phát triển đa dạng kinh tế ở địa phương mình.

2. Tại sao tỷ trọng cho vay kinh tế ngoài quốc doanh từ năm 1990 - 1995 tăng nhanh, còn từ 1996 - 2000 tăng chậm?

Một là; từ năm 1996, hàng loạt doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, làm ăn thua lỗ, bị phá sản. Hàng loạt vụ án lớn đối với doanh nghiệp tư nhân vay số vốn ngân hàng rất lớn bị đưa ra xét xử nên ngân hàng sợ không cho vay.

- Nhiều DNNN, tổng công ty nhà nước trong các lĩnh vực quan trọng: dầu khí, bưu chính viễn thông, xăng dầu, hàng hải, điện lực, xây dựng, giao thông, xi măng, vay vốn với các dự án cho thi công làm cho dư nợ cho vay được phục hồi trở lại.

- Uy tín của các doanh nghiệp tư nhân rất thấp. Nhà nước bị thất thu thuế với tỷ lệ cao nhất, các vụ án bị đưa ra xét xử nhiều nhất, nhiều vụ đổ vỡ, lừa đảo, phá sản xảy ra, cơ quan quản lý nhà nước kêu ca nhiều về DNTN, tỷ lệ nợ quá hạn của ngân hàng ở khu vực kinh tế này cao nhất.

+ Nhiều DNTN có đăng ký kinh doanh, nhưng không có trụ sở, hay trụ sở di chuyển nhiều lần cơ quan quản lý không biết. Trong 6 tháng đầu năm 2000, ở TP.HCM có 300 doanh nghiệp mất tích.

+ Nhiều DNTN không có vốn khi thành lập doanh nghiệp. Họ vay vốn từ nhân rồi nộp vào tài khoản tại ngân hàng xin xác nhận của ngân hàng đủ vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của luật, nộp hồ sơ cho cơ quan quản lý, xin quyết định thành lập doanh nghiệp, sau đó họ rút vốn ra. Trong quá trình hoạt động kinh doanh thường chiếm dụng vốn của đối tác kinh doanh đến khi mất khả năng thanh toán thì lừa đảo ngân hàng, giả mạo giấy tờ xin vay vốn, và lừa đảo đối tác kinh doanh, bỏ trốn.

+ Thiếu vốn kinh doanh: theo quy định, DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần khi lập dự án xin vay vốn ngân hàng thì phải có ít nhất 40% vốn tự có cho dự án đầu tư mới, 15% vốn tự có trong tổng chi phí của dự án mở rộng sản xuất kinh doanh.

+ Nhiều DNTN hoạt động ngoài chức năng được phép, buôn lậu, lừa đảo. Một số DNTN mở rộng qui mô kinh doanh quá lớn, thực hiện quá nhiều chức năng vượt quá khả năng quản lý.

+ Nhiều chủ DNTN không có kiến thức quản lý, không có trình độ chuyên môn, thậm chí trình độ văn hóa thấp, không đủ khả năng xây dựng được dự án phát triển kinh doanh và xây dựng dự án đầu tư xin vay vốn ngân hàng theo quy định. Trình độ tay nghề công nhân thấp. Cơ sở kinh doanh phân tán, lạc

hậu.

+ Thiếu thông tin về thị trường, nhất là thị trường quốc tế, trình độ công nghệ và chất lượng sản phẩm thiếu sức cạnh tranh.

+ Nhà nước thiếu chính sách cụ thể, có hiệu quả giúp đỡ DNTN phát triển ổn định vững chắc.

+ Phần đông DNTN không thực hiện pháp lệnh kế toán, thống kê. Do đó không có báo cáo kế toán đáng tin cậy.

- Thị trường bất động sản trì trệ, hàng loạt DNTN, công ty TNHH bị đổ vỡ, phá sản.

- Về phía các ngân hàng

+ Trước tháng 8.2000 quy định các thủ tục, chế độ quá cứng nhắc, chặt chẽ mà các DNTN không đáp ứng được, cán bộ tín dụng ngân hàng không thể thực hiện được để hoàn thiện đầy đủ hồ sơ cho vay, song trong thực tiễn lại vận dụng cho vay vốn DNTN, nhưng khi xảy ra rủi ro, cơ quan pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra thì cho là sai phạm, cán bộ tín dụng ngân hàng bị pháp luật xử lý.

+ Trước khi có cơ chế lãi suất cơ bản thì lãi suất cho vay vốn của ngân hàng đối với DNTN còn cao hơn DNNN, trong một số thời điểm cao gấp 1,4 - 1,5 lần lãi suất cho vay DNNN.

+ Các ngân hàng còn có tâm lý thích cho vay DNNN hơn vì được nhà nước bảo trợ, được phép khoan nợ, xóa nợ, ngại cho vay DNTN, họ chưa chủ động tìm đến các DNTN.

+ Trình độ quản lý, trình độ thẩm định, đánh giá dự án của cán bộ ngân hàng thấp.

+ Hàng loạt vụ án lớn về DNTN vay vốn ngân hàng bị đưa ra xét xử, ngân hàng sợ không cho vay: trong các năm 1997 - 1999, bình quân có gần 100 vụ mỗi năm, đặc biệt như các vụ: Tamexco, Epco, Minh Phụng, Namdo, Dương Thanh Cường...

+ Chính phủ và NHNN mới chỉ có cơ chế xử lý rủi ro đối với NHTM quốc doanh cho vay DNNN, cho vay hộ nông dân; không có cơ chế xử lý rủi ro cho NIITM ngoài quốc doanh cho vay DNTN.

3. Dự báo xu hướng tỷ trọng cho vay kinh tế ngoài quốc doanh đến 2005 - 2020

Đến năm 2005, tỷ trọng cho vay của hệ thống ngân hàng kinh tế ngoài quốc doanh dự đoán sẽ tăng lên 65% và đến 2010 sẽ tăng lên 70% trong tổng dư nợ cho vay đối với nền kinh tế. Dựa trên các cơ sở sau đây:

a. Cơ cấu của nền kinh tế thay đổi: Chính phủ VN khẳng định quyết tâm thực hiện đúng cam kết đã ký với các tổ chức quốc tế về cơ cấu lại DNNN, như với ADB, WB, IMF, Hiệp định AFTA, WTO, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, các thỏa thuận với khối ASEAN.

Kiên quyết giải thể, cho phá sản các DNNN, bán lại, cho thuê, cổ phần hóa các DNNN khác, giảm tỷ trọng

DNNN trong nền kinh tế. Tính đến hết tháng 12.2000, VN đã cổ phần hóa được khoảng 500 DNNN, với tổng số vốn đăng ký 2.350 tỷ đồng; trong đó 294 doanh nghiệp do tư nhân sở hữu 65% cổ phần, 68 doanh nghiệp do tư nhân sở hữu 51% - 65% cổ phần...Dự kiến đến hết năm 2001 sẽ cổ phần hóa xong 800 DNNN đến năm 2005 số lượng DNNN giảm xuống còn 60% so với hiện nay và đến năm 2010 giảm còn 30 - 35% so với hiện nay. Chính phủ VN đặt mục tiêu hoàn thiện cổ phần hóa các DNNN mà nhà nước không cần nắm giữ 100% cổ phần trước năm 2005.

- Song một xu hướng khác chống lại xu hướng trên, đó là chính phủ kiên quyết giữ lại các DNNN thuộc các lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế, thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế trong các lĩnh vực then chốt như: điện lực, dầu khí, điện, bưu chính viễn thông, hàng không, hàng hải. Các tập đoàn này sẽ có số vốn tối thiểu là 10.000 tỷ đồng. Các tổng công ty nhà nước có số vốn tối thiểu 500 tỷ đồng.

Do đó, một tỷ trọng đáng kể DNNN vẫn còn tồn tại được củng cố tăng sức mạnh, các ngân hàng tiếp tục cho vay.

Sau thời kỳ khủng hoảng, khó khăn đổ vỡ, phá sản đối với DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần trong các năm 1996 - 1999, khối doanh nghiệp này bắt đầu phục hồi, phát triển nhanh trở lại. Luật doanh nghiệp mới đã được sửa đổi, bổ sung, có hiệu lực từ ngày 1.1.2000, thay thế cho luật doanh nghiệp cũ, đã tạo môi trường pháp lý mới, rõ ràng, đầy đủ, chặt chẽ, tạo điều kiện DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần phát triển nhanh, ổn định vững chắc, đúng pháp luật.

Sau khi Luật doanh nghiệp mới có hiệu lực thi hành, từ đầu năm đến hết tháng 12.2000, đã thành lập mới 13.500 doanh nghiệp với số vốn trên 6.000 tỷ đồng; gấp 5 lần số DN thành lập năm 1999 trong đó có 3.737 công ty trách nhiệm hữu hạn, và 3.559 doanh nghiệp tư nhân.

Ở TP.HCM, tính từ tháng 1 đến 31.8.2000, sau 8 tháng thực hiện Luật doanh nghiệp mới, có tổng số 3.446 doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập; tăng 98% so với cùng kỳ năm 1999, với tổng số vốn đăng ký là 3.590 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng số doanh nghiệp thành lập mới bao gồm 2.084 công ty TNHH, 1.213 doanh nghiệp tư nhân, 141 công ty cổ phần và 8 công ty TNHH có 1 thành viên.

Dự báo, đến năm 2005 trong cả nước số lượng DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần tăng gấp 3 lần so với năm 2000 và đến năm 2010 tăng gấp 6,5 lần hiện nay, đạt 86.000 - 90.000 doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

- Hộ kinh doanh ở đô thị tăng khoảng 20 - 28%/năm, số lượng trang trại và hộ sản xuất ở nông thôn tăng 8 - 10%/năm.

- Đầu tư nước ngoài ở VN phát triển trở lại.

Những đối tượng khách hàng đó thu hút một khối lượng lớn vốn vay ngân hàng.

b. Về cơ chế chính sách vay vốn ngân hàng

Từ 2.8.2000, NHNN chuyển sang điều hành theo lãi suất cơ bản, các ngân hàng chủ động linh hoạt quy định lãi suất cho vay theo quan hệ với khách hàng; lãi suất cho vay của ngân hàng đối với kinh tế ngoài quốc doanh giảm xuống ngang hàng với DNNN, lãi suất cho vay linh hoạt theo diễn biến cung cấp vốn, theo yêu cầu của thị trường, của khách hàng.

- Với quyết định số 284, ngày 25.8.2000 của Thống đốc NHNN, ban hành thể lệ tín dụng mới, các điều kiện cho vay kinh tế ngoài quốc doanh thông thoáng, cởi mở, bình đẳng với DNNN.

- Luật NHNN, Luật các TCTD có hiệu lực thi hành từ 1.10.1998. Các văn bản pháp lý triển khai các luật đã được ban hành trong các năm 1999 - 2000, tạo môi trường pháp lý ổn định, rõ ràng để các ngân hàng mở rộng cho vay vốn DNTN, công ty cổ phần, công ty TNHH. Đồng thời cán bộ ngân hàng cũng an tâm mở rộng cho vay kinh tế ngoài quốc doanh.

- Trình độ cán bộ ngân hàng được nâng lên, nhất là kiến thức về thẩm định đánh giá dự án.

- Trình độ chủ doanh nghiệp nâng lên, nhiều tổ chức quốc tế hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế tư nhân ở VN.

- Chính phủ đang chuẩn bị thành lập quỹ bảo lãnh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, bảo lãnh cho họ vay vốn ngân hàng.

- Luật khuyến khích đầu tư trong nước có hiệu lực từ 1.1.1999, đến nay cả nước có 1.129 dự án được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, trong đó có 557 dự án của doanh nghiệp tư nhân và công ty cổ phần, luật này khuyến khích đầu tư trong khu vực kinh tế tư nhân.

- Nhiều tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ ra đời.

- Nhiều DNTN của VN đang vươn ra kinh doanh xuất nhập khẩu với nước ngoài.

4. Kiến nghị các giải pháp về tài chính tiền tệ thúc đẩy phát triển kinh tế ngoài quốc doanh

a. Kiến nghị đối với chính phủ:

- Luật doanh nghiệp đã có hiệu lực thi hành từ 1.1.2000, Chính phủ khẩn trương yêu cầu các bộ chức năng xây dựng xong các dự thảo nghị định triển khai luật này, trình thủ tướng chính phủ ký ban hành, tạo môi trường pháp

lý cho các doanh nghiệp tư nhân, kinh tế ngoài quốc doanh phát triển đúng pháp luật, ổn định vững chắc. Đặc biệt là cải cách hành chính.

- Các cơ quan nhà nước tăng cường kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, đảm bảo các doanh nghiệp này hoạt động đúng pháp luật, thực hiện đúng pháp lệnh kế toán thống kê. Yêu cầu các doanh nghiệp có số vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng, hoặc 10 tỷ đồng trở lên, hàng năm dứt khoát phải thực hiện kiểm toán.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước để không gây khó khăn cho sự phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

- Học tập kinh nghiệm của Trung Quốc, tách các doanh nghiệp của Bộ công an, quân đội, cơ quan Đảng cộng sản ra khỏi các tổ chức đó, hoạt động bình đẳng với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh theo đúng luật doanh nghiệp.

- Chính phủ mạnh dạn cổ phần hóa ngay các doanh nghiệp của nhà nước có quy mô vốn lớn, đang hoạt động có hiệu quả, mà không thuộc lĩnh vực quan trọng, như Công ty bia Sài Gòn, Công ty sữa VN, một số công ty xi măng, nhà máy mía đường, may mặc, tạo sự đột phá tăng tốc đẩy nhanh sự quá trình cổ phần hóa DNNN, thúc đẩy thị trường chứng khoán hoạt động có hiệu quả.

- Chính phủ kiên quyết thực hiện đúng các cam kết với IMF, ADB, WB, WTO, AFTA, về cải tổ DNNN, chống bao cấp, bảo trợ quá mức cho DNNN, phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

- Không hình sự hóa các quan hệ kinh tế - dân sự trong quan hệ vay vốn giữa các ngân hàng với doanh nghiệp ngoài quốc doanh khi xảy ra các tranh chấp khi doanh nghiệp không trả được nợ cho ngân hàng.

- Chính phủ cho phép các doanh nghiệp ngoài quốc doanh hoạt động có hiệu quả, được vay vốn ngân hàng đến mức 100 triệu, hoặc 200 triệu đồng không phải thế chấp tài sản, miễn là đảm bảo được 3 điều kiện: dự án có hiệu quả, doanh nghiệp 3 năm liền kể có lãi, tình hình tài chính lành mạnh và có uy tín trong quan hệ vay vốn với ngân hàng.

- Chính phủ có chính sách xử lý rủi ro đối với các ngân hàng cho vay vốn doanh nghiệp ngoài quốc doanh, bình đẳng như đối với DNNN, như: khoan nợ, giảm nợ, xóa nợ, ân hạn, ưu đãi lãi suất.

- Cho phép người VN ở nước ngoài, Việt kiều, người nước ngoài làm việc ở VN, tự do mua bán đất đai nhà ở, bất động sản khi không cần sử dụng được phép bán lại, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển.

- Nhanh chóng đưa quỹ bảo lãnh cho doanh nghiệp vừa và nhỏ đi vào hoạt động. Hình thành quỹ tín dụng hỗ trợ xuất nhập khẩu. Tách riêng hoạt động tín dụng ưu đãi, tín dụng chính sách ra khỏi hoạt động NHTM, thành lập ngân hàng chính sách.

- Xây dựng dự án, đàm phán thu hút tài trợ của nước ngoài, các tổ chức quốc tế về: đào tạo nâng cao trình độ quản lý kinh doanh cho các chủ doanh nghiệp VN; xây dựng và cung cấp thông tin thị trường thế giới cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh; giúp đỡ về công nghệ, hợp tác kinh doanh, tài trợ vốn ban đầu thành lập doanh nghiệp.

- Có chính sách đáp ứng nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh bình đẳng như các DNNN.

- Cho phép kinh tế tư nhân tham gia vào hầu hết các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, xuất nhập khẩu ở tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế mà nay thuộc độc quyền của các DNNN, thúc đẩy cạnh tranh trong nền kinh tế.

b. Kiến nghị đối với ngân hàng trung ương

- Thực hiện nhanh có hiệu quả chương trình cải tổ, cơ cấu lại ngành ngân hàng VN.

- Thu hút các dự án, chương trình của quốc tế, các nước khác, hỗ trợ ngành ngân hàng VN về đào tạo cán bộ quản lý, nâng cao trình độ quản lý, điều hành hoạt động ngân hàng theo trình độ quốc tế, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, thẩm định dự án, đánh giá dự án, phân tích và đánh giá rủi ro cho cán bộ ngân hàng; trang bị công nghệ ngân hàng hiện đại.

- Sửa đổi cơ chế, chính sách về cho vay, bảo lãnh theo hướng nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các ngân hàng, tăng thu nhập tăng lương cho chủ ngân hàng và cán bộ ngân hàng. Tuyển chọn cán bộ vào làm việc tại các ngân hàng theo qui trình và tiêu chuẩn các ngân hàng nước ngoài.

- Cổ phần hóa 1 - 2 NHTM quốc doanh, nhưng nhà nước vẫn nắm giữ trên 50% vốn cổ phần; trong tổng số 6 ngân hàng thương mại quốc doanh hiện có.

- Thực hiện đúng lộ trình mở cửa hoạt động ngân hàng với nước ngoài, bãi bỏ các quy định hạn chế hoạt động của các ngân hàng ở VN, theo cam kết trong Hiệp định thương mại Việt Mỹ, AFTA. Cho phép một số ngân hàng của Nhật, Mỹ, khối EU mở chi nhánh hoạt động ở VN; tạo môi trường cạnh tranh thông thoáng cho hoạt động ngân hàng, thúc đẩy thị trường vốn phát triển.

- Sớm ban hành nghị định và thông tư hướng dẫn thực hiện pháp lệnh thương phiếu, thúc đẩy hoạt động tín dụng thương mại phát triển ■